

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH V**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:08/2020/DS-ST

Ngày 25 tháng 9 năm 2020

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa : Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hùng
2. Ông Trần Anh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh V tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V mở phiên tòa công khai xét xử vụ án dân sự thụ lý số: 37/2019/TLST -DS ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc “ *Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản* ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST – DS ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hùng C, sinh năm 1975, có mặt

Nơi cư trú: Thôn Ng, xã L, huyện L, tỉnh V.

Bị đơn: Anh Bùi Văn C, sinh năm 1983, có mặt

Nơi cư trú: Thôn L, xã L, huyện L, tỉnh V.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Thị Ch, sinh năm 1983, vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn L, xã L, huyện L, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 6 năm 2019 và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Hùng C trình bày:

Giữa anh và anh Bùi Văn C có quan hệ bạn bè quen biết nhau từ trước. Ngày 21/11/2018, anh Bùi Văn C cùng vợ là chị Trần Thị Ch có thỏa thuận bán cho anh gồm những tài sản: Toàn bộ nội thất của 04 phòng hát và các thiết bị bao gồm 16 loa hát, 04 ti vi Sony, 04 máy hát, 04 cục chỉnh, 04 điều hòa, 04 bộ bàn ghế trong phòng hát, toàn bộ tài sản này anh C bán cho anh với giá 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Anh đã trả đủ số tiền trên cho vợ chồng anh C, anh C đã viết giấy và cùng vợ là chị Ch ký tên và nhận số tiền trên đầy đủ. Nhưng đến nay anh C và chị Ch chưa giao lại tài sản trên cho anh như đã thỏa thuận. Đã nhiều lần anh xuống lấy tài sản nhưng anh C trốn tránh không gặp nên anh chưa lấy được những tài sản trên. Nay anh đề nghị anh Bùi Văn C phải trả lại toàn bộ số tài sản mà hai bên đã thống nhất, thỏa thuận mua bán và số tiền khấu hao do anh C sử dụng và ảnh hưởng đến việc kinh doanh, gây thiệt hại về kinh tế cho anh. Số tiền khấu hao anh đề nghị tính như sau: Số tài sản bị khấu hao + thiệt hại về kinh tế mỗi tháng 15.000.000đ x 7 tháng (từ tháng 11/2018 đến tháng 6/2019 = 105.000.000đ (Một trăm linh năm triệu đồng).

Bị đơn anh Bùi Văn C trình bày: Anh có viết một hợp đồng mua bán tài sản là nội thất 04 phòng hát có chữ ký của anh và vợ anh để khi cần vốn làm ăn thì mượn tiền, nhưng thực tế chưa bán cho ai nên trong giấy anh chưa viết là bán cho ai. Anh C là khách hàng của quán nhà anh, khi anh C ra quán nhà anh hát đã nhặt được giấy hợp đồng mua bán đó và anh C đã ghi thêm tên anh C vào là “Ca”. Anh C đã dựa vào giấy đó để viết đơn khởi kiện anh, yêu cầu anh trả lại toàn bộ tài sản ghi trong giấy là không đúng. Anh đã đề nghị giám định chữ “Ca” trong tờ giấy ghi hợp đồng mua bán là không phải chữ viết của anh, anh xác định việc anh C khởi kiện anh là không đúng nên anh không đồng ý với yêu cầu của anh C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Ch vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong bản tự khai ngày 19/9/2019 chị trình bày: Chị là vợ của anh Bùi Văn C. Chị xác nhận chồng chị có viết một giấy hợp đồng mua bán nội thất âm thanh có chữ ký của chồng chị và chị, nhưng trong giấy chồng chị không viết là bán cho ai, anh C là khách hàng của quán gia đình chị, khi anh C ra quán hát đã nhặt được tờ giấy đó và ghi tên anh C vào đó. Anh C đã dựa vào tờ giấy này để viết đơn khởi kiện chồng chị. Việc anh C khởi kiện chồng chị là vu khống, không đúng sự thật, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định về thụ lý vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự, xác định quan hệ tranh chấp, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Trong hợp đồng mua bán do anh C cung cấp có ghi đầy đủ tên tuổi, địa chỉ, số chứng minh thư của người bán nhưng người mua không ghi đầy đủ, chỉ ghi “bán cho anh: Ca”, không biết là anh C họ tên đầy đủ là gì, sinh năm nào, địa chỉ cụ thể nên không thể xác định cụ thể người mua là ai. Mặt khác, trong hợp đồng không ghi rõ thời gian giao tài sản cụ thể, không giao tài sản cho anh C có ảnh hưởng đến việc kinh doanh không, nhưng thực tế anh C không kinh doanh quán hát mà anh C hiện đang kinh doanh. Trong kết luận giám định không xác định được chữ “Ca” có phải do anh C viết ra hay không. Từ phân tích nêu trên, Viện kiểm sát xác định không có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của anh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2019 của anh Nguyễn Hùng C yêu cầu anh Bùi Văn C trả lại những tài sản đã mua bán như đã cam kết trong hợp đồng mua bán tài sản. Tòa án nhân dân huyện L đã thụ lý xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” và giải quyết theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, chị Chí có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt chị Chí.

[2]. Về nội dung vụ án:

Trong đơn khởi kiện, những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Hùng C khẳng định có việc giao kết hợp đồng mua bán tài sản giữa anh và anh Bùi Văn C. Theo đó, anh C bán cho anh toàn bộ tài sản là các thiết bị trong phòng hát Karaoke, anh đã trả cho anh C toàn bộ số tiền mua bán tài sản là 300.000.000 đồng. Còn bị đơn anh Bùi Văn C cho rằng anh không ký kết hợp đồng mua bán tài sản gì với anh C. Anh xác định giấy tờ mua bán tài sản là do anh viết và cả hai vợ chồng anh có ký, nhưng trong giấy tờ đó anh không

viết là bán cho ai, anh C đã tự điền tên người mua là tên anh C vào đó. Anh C không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C.

Qua xem xét nội dung “Hợp đồng mua bán” đề ngày 21/11/2018 Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong hợp đồng phần người bán tài sản có ghi đầy đủ thông tin họ tên, năm sinh, có số chứng minh thư nhân dân, địa chỉ, nhưng tại phần người mua chỉ ghi: “có bán cho anh: Ca” mà không thể hiện cụ thể họ tên, năm sinh, số chứng minh thư nhân dân, địa chỉ, sau đó cách 02 dòng mới ghi tên cụ thể các tài sản bao gồm: toàn bộ nội thất của 04 phòng hát và các thiết bị 16 loa, 4 ti vi Sony, 4 điều hòa, 4 máy hát, 4 cục chầm, 04 bộ bàn ghế phòng hát trị giá: 300.000.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện L có Quyết định trưng cầu giám định Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh V giám định chữ “Ca” trong hợp đồng mua bán có phải do cùng một người viết ra hay không. Tuy nhiên, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh V từ chối giám định do số lượng chữ viết trên tài liệu cần giám định ít không đủ cơ sở để kết luận giám định. Ngày 26/6/2020 Tòa án nhân dân huyện L tiếp tục trưng cầu giám định Phòng kỹ thuật hình sự Bộ Quốc Phòng giám định chữ viết “Ca” trong hợp đồng mua bán có phải cùng một người viết ra hay không và có phải chữ viết của anh C hay không. Tại kết luận giám định số: 171/GĐKTHS-P11 ngày 19/8/2020 kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ “ca” trong hợp đồng mua bán có phải do anh C viết hay anh C viết. Do vậy, không thể xác định được việc anh C có bán tài sản cho anh “Ca” trong hợp đồng không, cũng không thể xác định được anh “Ca” trong hợp đồng có phải là anh Nguyễn Hùng C, sinh năm 1975 trú tại thôn Ng, xã L không.

Trong hợp đồng mua bán cũng không thể hiện việc giao tài sản thực hiện như thế nào mà chỉ ghi là đã nhận đủ số tiền. Mặt khác, anh C là người kinh doanh quán Karaoke, hiện tại vẫn đang kinh doanh quán, anh C nói rằng việc anh C không giao lại tài sản như trong hợp đồng mua bán đã ảnh hưởng đến việc kinh doanh của anh, nhưng thực tế, anh C không kinh doanh quán Karaoke. Thực tế trong biên bản định giá tài sản ngày 26/9/2019, Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị của những tài sản trong 04 phòng hát của quán gia đình anh C trị giá 80.000.000đ/ 1 phòng x 04 phòng = 320.000.000đ, sau thời điểm viết giấy hợp đồng mua bán là 10 tháng mà giá trị của nó vẫn lớn hơn giá 300.000.000đ như trong hợp đồng mua bán là vô lý.

Anh C xác định anh là người mua những tài sản trên của anh C, nhưng anh cũng không ký vào hợp đồng mua bán, không có ai chứng kiến hay biết việc mua bán

giữa anh và anh C nên không thể khẳng định việc mua bán tài sản giữa anh và anh C là có thật.

Từ những lập luận nêu trên Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao kết hợp đồng mua bán tài sản giữa anh C và anh C là không đủ chứng cứ để chứng minh là có thực, nên không có căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của anh C đối với anh C về việc yêu cầu anh C, chị Ch trả lại toàn bộ tài sản đã mua của vợ chồng anh C và bồi thường số tiền khấu hao tài sản trong thời gian vợ chồng anh C sử dụng.

Đối với số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản đã chi phí hết, yêu cầu của anh C không được chấp nhận nên anh C phải chịu toàn bộ số tiền này.

Xác nhận ngày 25/9/2020 đã trả lại anh Bùi Văn C số tiền 5.000.000đ tiền tạm ứng trung cầu giám định.

Về án phí: Yêu cầu của anh C không được chấp nhận nên anh C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; 430 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hùng C đối với anh Bùi Văn C về việc yêu cầu anh C, chị Ch trả lại toàn bộ tài sản đã mua của vợ chồng anh C và bồi thường số tiền khấu hao tài sản trong thời gian vợ chồng anh C sử dụng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản anh C phải chịu 2.000.000đ (xác nhận đã nộp đủ)

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Ca phải chịu 20.025.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 10.100.000đ theo biên lai số: AA/2017/0000190 ngày 05/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, anh C phải nộp tiếp số tiền: 9.925.000đ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKS huyện L;
- THA L.
- Các đương sự
- Lưu Hồ sơ; văn phòng.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp